

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2011/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2011 và các văn bản đồng ý với nội dung biên bản hòa giải thành.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị L** - Sinh năm: 1965, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Văn L** - Luật sư Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, địa chỉ: Số D, Phường E, Thành phố G, tỉnh Bến Tre.

1.2) *Bị đơn:* Bà **Trương Thị L1** - Sinh năm: 1965, nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã K, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

1.3) *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.3.1. Chị **Nguyễn Thị Kim H** - Sinh năm: 1986, địa chỉ: ấp S, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim H: Ông **Nguyễn Văn T** - Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thành phố G, tỉnh Bến Tre.

1.3.2. Ông **Trương Văn M** - Sinh năm: 1963, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.3. Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1965, địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.4. Ông **Nguyễn Văn N** - Sinh năm: 1967, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.5. Chị **Trương Thị Cẩm T** - Sinh năm: 1986, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.6. Anh **Trần Văn Q** - Sinh năm: 1986, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị Cẩm T và anh Trần Văn Q: Bà **Đoàn Thị L** - Sinh năm: 1965, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.*

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Công nhận cho chị Nguyễn Thị Kim H được quyền sử dụng phần đất có diện tích là $170,7m^2$, trong đó có $50m^2$ đất ở nông thôn, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số X, tờ bản đồ số C, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Buộc ông Trương Văn M có nghĩa vụ giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H toàn bộ phần đất và cây trồng có trên phần đất nêu trên.

2.2) Ông Trương Văn M được quyền tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích là $57,9m^2$ thuộc thửa đất số V, tờ bản đồ số C, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Các đương sự không có tranh chấp đối với phần đất này và xác định đây là phần đất của ông Trương Văn M nên ông M được tiếp tục sử dụng.

2.3) Công nhận cho bà Đoàn Thị L được quyền sử dụng phần đất có diện tích là $293,6m^2$ trong đó có $41m^2$ đất ở nông thôn, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số S tờ bản đồ số C và phần đất có diện tích là $76,2m^2$ thuộc thửa đất số P, tờ bản đồ số C, hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre và các tài sản có trên hai thửa đất này (hai ngôi nhà, mái che tiền chế, sân nền đal, hàng rào song sắt, hàng rào lưới B40...).

2.4) Ông Nguyễn Văn N được quyền tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích là $108,9m^2$ và tài sản trên đất (cây trồng, phần chuồng trại) thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ số C, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị H không có tranh chấp gì đối với phần đất này và xác định đây không phải là phần đất thuộc quyền sử dụng của chị. Ông M xác định đây là phần đất mà ông đã đòi cho ông N nên ông N được quyền tiếp tục sử dụng.

Tất cả có họa đồ kèm theo. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.5) Về chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản, thu thập chứng cứ:

2.5.1. Bà Đoàn Thị L nhận chịu 2.585.000đ (hai triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản, thu thập chứng cứ, số tiền này bà L đã nộp đủ.

2.5.2. Chị Nguyễn Thị Kim H nhận chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản, thu thập chứng cứ, số tiền này chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ.

2.6) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.6.1. Bà Đoàn Thị L tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà L đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 002254 ngày 13/6/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho bà L số tiền chênh lệch là 4.850.000đ (bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

2.6.2. Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005539 ngày 15/11/2011 và số 0021998 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho chị H số tiền chênh lệch là 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

